

Số: 09/2026/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2026.

Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; các quy định liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại khoản 2 Điều 1, khoản 2 Điều 2, Điều 3, khoản 2 Điều 4, Điều 7, Điều 10, Điều 12 của Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa; tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *men*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UB TV Quốc hội (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế-Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh Đồng Tháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh Đồng Tháp;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Nguyên

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *men*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Thanh
Nguyễn Thành Diệu

QUY ĐỊNH**Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2026/QĐ-UBND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 75; khoản 4 Điều 77; khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân có hoạt động liên quan đến phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại như sau:

1. Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (các nhóm này được cho chung vào một bao bì) gồm: nhóm giấy thải, nhóm nhựa thải, nhóm kim loại thải, thủy tinh thải, vải, đồ da, đồ gỗ, cao su, thiết bị điện, điện tử thải bỏ.

2. Chất thải thực phẩm (các nhóm này được cho chung vào một bao bì) gồm: thức ăn thừa, hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả, trái cây và các thực phẩm thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến thức ăn; các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm; thủy hải sản, đậu, thịt, trứng và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ động vật; các loại bã cà phê, trà, bã mía và các loại thực phẩm thải bỏ dùng trong gia đình có nguồn gốc từ thực vật.

3. Chất thải rắn sinh hoạt khác gồm các nhóm chất thải không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này:

a) Chất thải nguy hại (các nhóm này được cho chung vào một bao bì) gồm: bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit thải, dung môi thải, kiềm thải, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại, bình gas mini từ hoạt động sinh hoạt; sơn, mực, chất kết dính; gang tay, giẻ lau dính dầu, hóa chất; kim tiêm, khâu trang, bông băng bị nhiễm khuẩn từ người bệnh; bóng đèn huỳnh quang thải, thủy tinh hoạt tính thải; nhiệt kế chứa thủy ngân thải; các loại pin, ắc quy thải.

b) Chất thải công kênh: tủ, bàn ghế, sofa, giường, niệm cũ, hỏng; tủ sắt, khung cửa cánh cửa; cành cây, gốc cây.

c) Nhóm chất thải khác còn lại.

Điều 4. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công kênh

1. Chủ nguồn thải thực hiện phân loại chất thải công kênh tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý. Việc phân loại chất thải rắn công kênh thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

2. Chất thải rắn công kênh sau khi được phân loại thì quản lý như chất thải rắn sinh hoạt. Đơn vị thu gom vận chuyển, xử lý chất thải có thể thực hiện việc phân rã chất thải rắn công kênh nhằm thu gọn, giảm kích thước, thể tích và căn cứ tính chất của từng loại chất thải sau khi phân rã để vận chuyển, xử lý riêng từng loại, trường hợp phát sinh chất thải nguy hại phải quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3. Chủ nguồn thải chất thải công kênh liên hệ với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải công kênh hoặc cơ sở thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt để thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh phát sinh và thực hiện chi trả chi phí theo quy định.

4. Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải công kênh (thủ công và cơ giới) phải có phương tiện đáp ứng yêu cầu về an toàn kỹ thuật, vệ sinh môi trường. Quá trình thu gom, vận chuyển chất thải công kênh từ các chủ nguồn thải đến các trạm trung chuyển hoặc khu xử lý phải tuân thủ quy định kỹ thuật về thu gom chất thải sinh hoạt, các quy định về phòng, chống dịch và các quy định có liên quan của địa phương.

Điều 5. Tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Nguyên tắc xây dựng lộ trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

a) Lộ trình vận chuyển phải tuân thủ các quy định của các cơ quan quản lý về giao thông tại khu vực (thời gian lưu thông, tải trọng của cầu, đường, đường cấm, đường một chiều) và phải đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực;

b) Xây dựng lộ trình theo nguyên tắc hạn chế vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ chủ nguồn thải, các điểm tập kết về trạm trung chuyển; ưu tiên thực hiện lộ trình thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các chủ nguồn thải, điểm tập kết để vận chuyển thẳng về các cơ sở xử lý;

c) Chủ cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm xây dựng lộ trình vận chuyển theo quy định của pháp luật.

2. Tuyến đường vận chuyển gồm đường trong khu vực đô thị và đường ngoài khu vực đô thị: đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm xây dựng tuyến đường thu gom, vận chuyển đảm bảo tuân thủ các quy định về giao thông, an toàn, vệ sinh môi trường và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Thời gian vận chuyển:

a) Thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ 18 giờ ngày hôm trước đến trước 6 giờ ngày hôm sau.

b) Thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại điểm a khoản này có thể điều chỉnh nhưng phải phù hợp với nguyên tắc tại khoản 1 Điều này và phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan được biết.

Điều 6. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và thực hiện Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính rà soát nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm phân bổ, hỗ trợ cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh; xử lý, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt do nhà nước quản lý và bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tự phát trên địa bàn theo quy định pháp luật.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân trong việc thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định pháp luật.

2. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì thẩm định, trình duyệt quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật.

b) Tổ chức thẩm định quy hoạch, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng cho các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo phân cấp.

c) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng các điểm tập kết, trạm trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định hiện hành.

c) Quản lý các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

d) Chia sẻ thông tin kế hoạch cấm đường, sửa chữa đường và thông tin các tuyến đường mật độ lưu thông đông đúc, thường xuyên tắc nghẽn giao thông cần hạn chế xe vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt lưu thông cho ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí các nguồn vốn đầu tư thực hiện các chương trình, dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức xúc tiến, mời gọi đầu tư theo đúng quy định.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, hỗ trợ kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm để các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; việc xử lý, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt do nhà nước quản lý và bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tự phát trên địa bàn.

4. Trách nhiệm của các sở, ngành khác:

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý công tác thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

2. Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về quản lý chất thải rắn sinh hoạt. Hằng năm xây dựng và triển khai kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

3. Đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định, hướng dẫn và tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm quy định này và các quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

4. Lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

5. Xây dựng tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phù hợp tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực; phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để xác định vị trí, thời gian tập kết, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết phù hợp; bảo đảm an toàn giao thông; hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm.

6. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định này trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Theo thẩm quyền xem xét, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp xử lý theo quy định.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc để xảy ra tình trạng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân

1. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 3 của Quy định này; chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại đến điểm tập kết theo quy định hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

2. Hộ gia đình, cá nhân ở đô thị phát sinh chất thải rắn sinh hoạt phải chứa đựng chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại vào các bao bì để chuyển giao theo quy định tại khoản 3 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

3. Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại theo quy định tại Điều 3 của Quy định này thực hiện quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có quyền từ chối thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phân loại, không sử dụng bao bì đúng quy định và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư trong việc xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyển thu gom chất thải rắn sinh hoạt và công bố rộng rãi.

3. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp đối với từng loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy định này, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện theo quy định.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.